CTCP Vinaconex 25 (HNX: VCC)

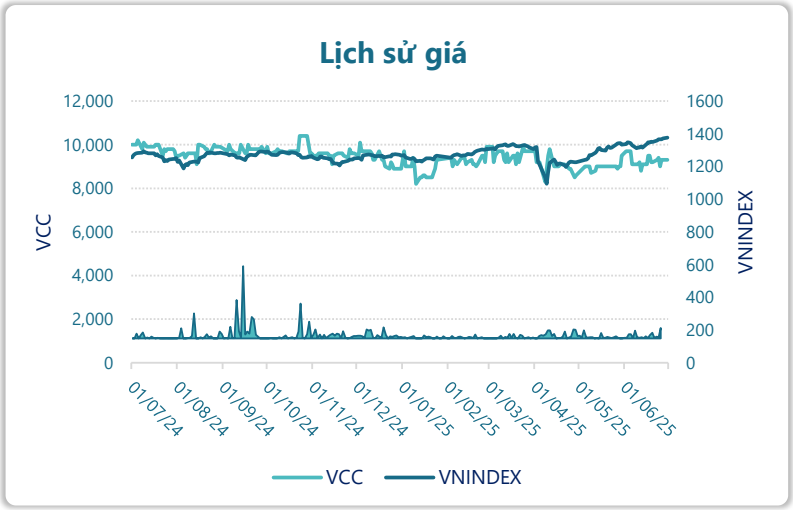

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,200
SL cổ phiếu LH	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,560
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	223
P/E	13.4
EPS	691

DT thuần

Q2/25

470

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 220| 88.2%

YoY: ▲ 206| 78.2%

LN sau thuế

Q2/25

8.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.11| 456%

YoY: ▲ 8.40| 3112%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.3%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

6T 2025

721

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 259| 55.8%

LN sau thuế

6T 2025

10.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.20| 928%

ROE

Q2/25

6.1%

+/- YoY: ▲ 3.2%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

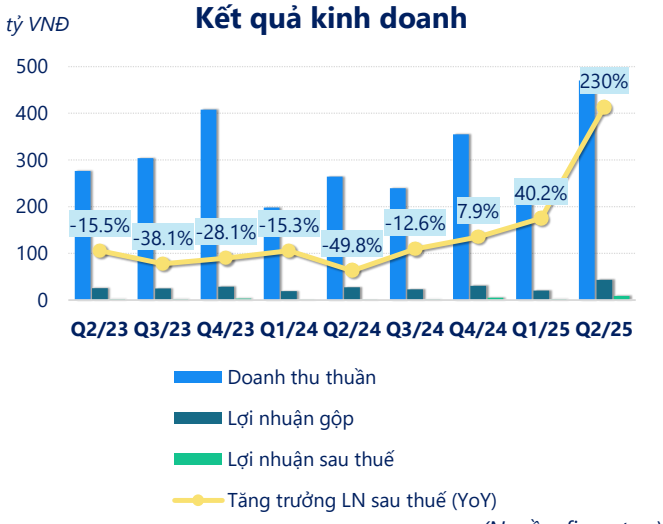

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

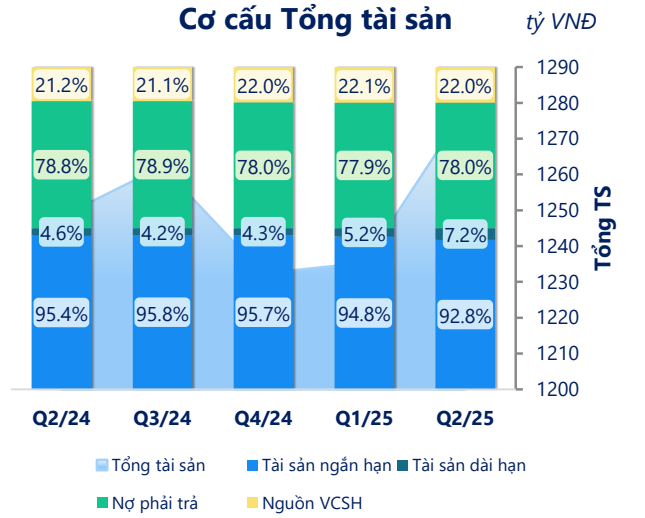

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

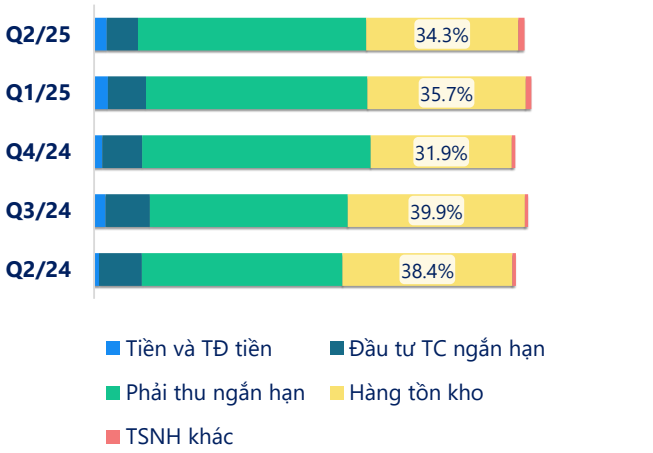

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

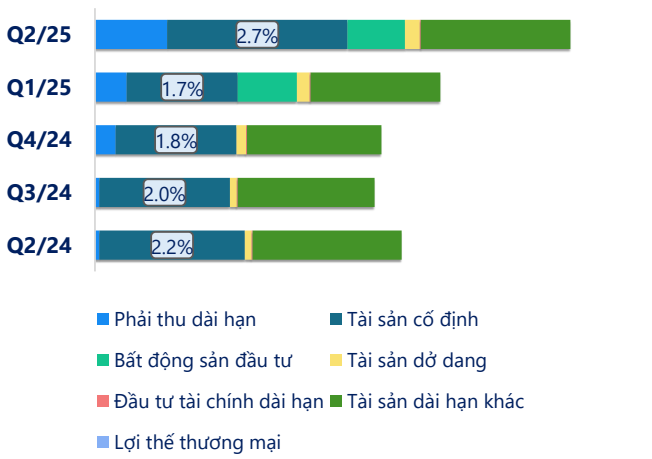

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

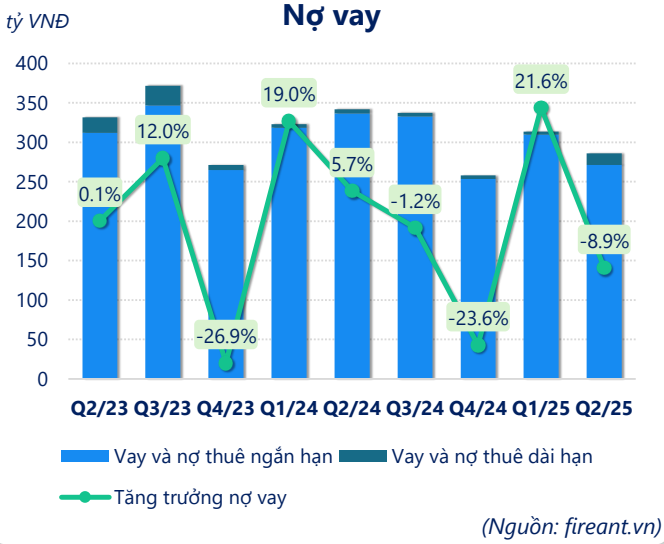

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

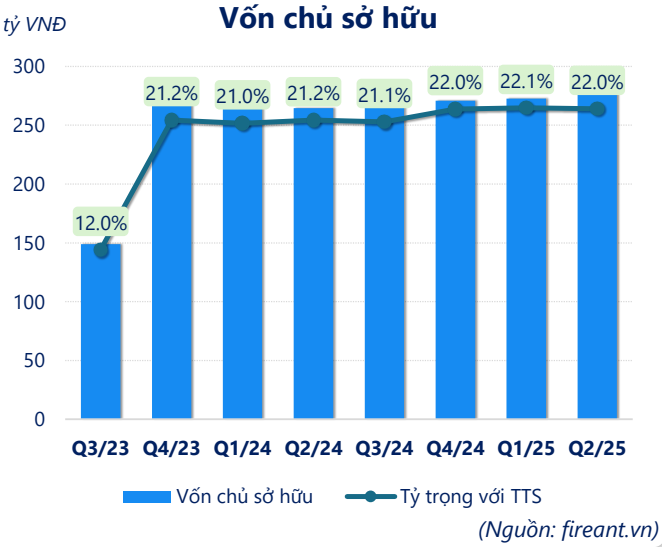

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

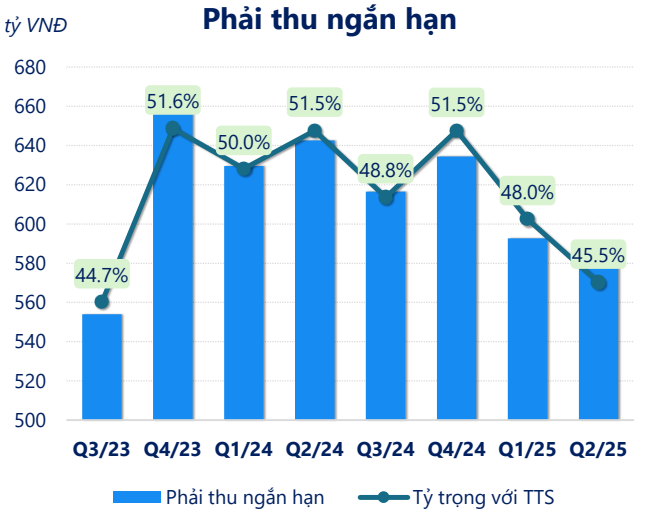

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

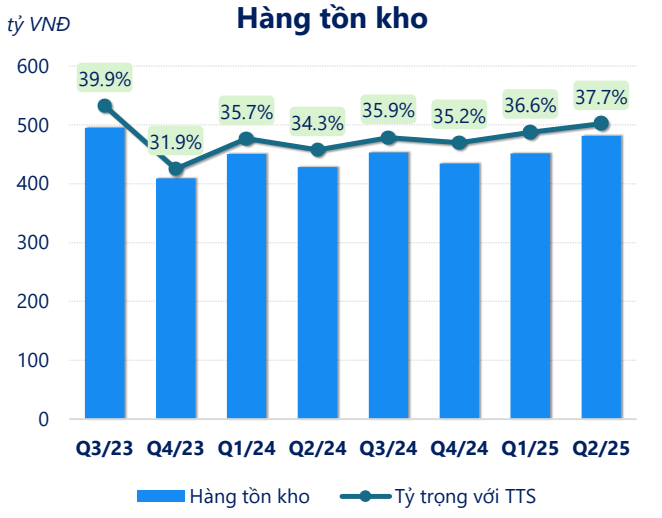

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

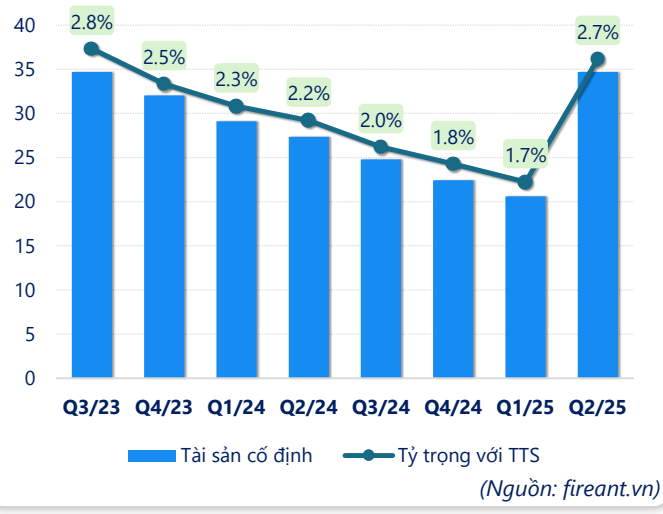

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

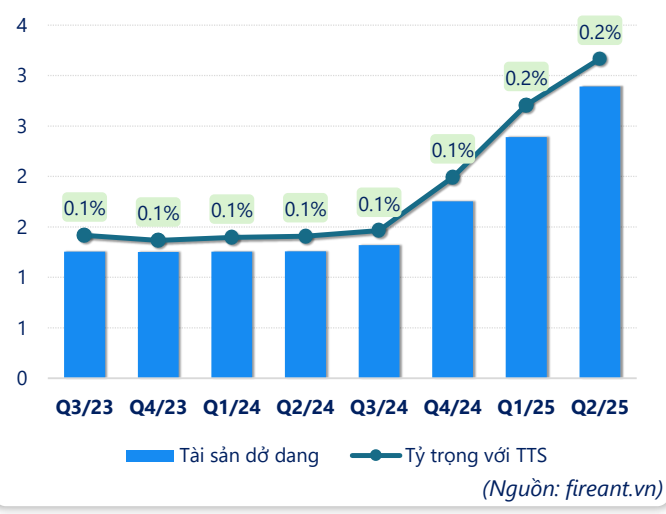

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

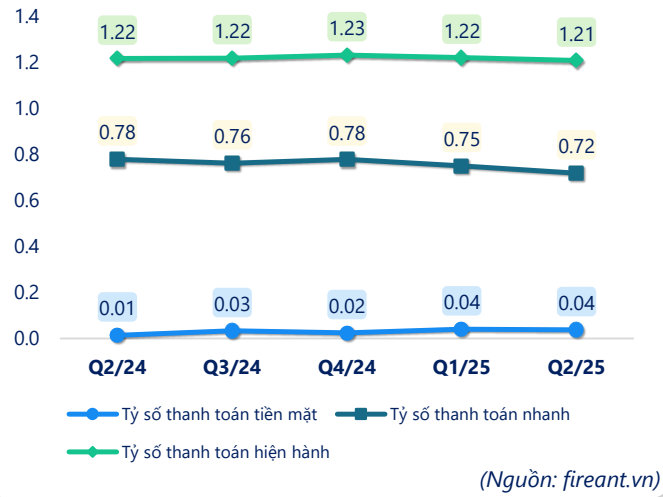

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

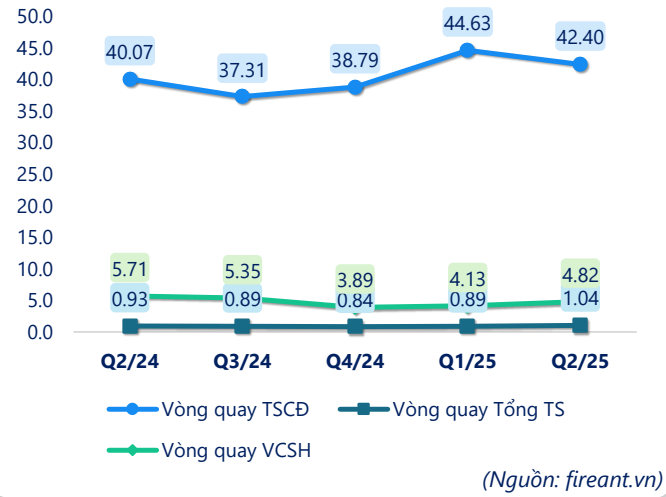

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,248**	**1,262**	**1,232**	**1,235**	**1,278**
Tài sản ngắn hạn	**1,191**	**1,209**	**1,179**	**1,171**	**1,187**
Tiền và tương đương tiền	13.4	32.7	23.1	38.7	36.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.2	93.8	78.1	72.9	74.2
Phải thu ngắn hạn	643	617	634	593	581
Hàng tồn kho	429	453	434	452	481
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	13.2	9.41	15.3	13.8
Tài sản dài hạn	**57.6**	**53.1**	**53.1**	**64.2**	**91.4**
Phải thu dài hạn	0.82	0.82	3.82	5.91	13.9
Tài sản cố định	27.3	24.8	22.4	20.6	34.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	11.0	11.0
Tài sản dở dang	1.26	1.32	1.75	2.39	2.89
Đầu tư tài chính dài hạn	0.16	0.16	0.16	0.16	0.16
Tài sản dài hạn khác	28.0	26.0	24.9	24.1	28.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**984**	**996**	**961**	**963**	**997**
Nợ ngắn hạn	**978**	**992**	**957**	**959**	**982**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	337	333	254	310	271
Phải trả người bán ngắn hạn	267	242	301	239	296
Nợ dài hạn	5.30	4.59	4.27	3.90	15.0
Vay và nợ thuê dài hạn	5.10	4.59	4.27	3.90	14.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**265**	**266**	**271**	**273**	**281**
Vốn chủ sở hữu	**265**	**266**	**271**	**273**	**281**
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)